

DÁNH GIÁ TỔN THƯƠNG THỊ TRƯỜNG CỦA BỆNH NHÂN GLÔCÔM GÓC MỞ NGUYÊN PHÁT BẰNG THỊ TRƯỜNG KẾ TỰ ĐỘNG BƯỚC SÓNG NGẮN

NGUYỄN THỊ HÀ THANH, ĐÀO THỊ LÂM HƯƠNG
Bệnh viện Mắt TW

TÓM TẮT

Mục tiêu: mô tả tổn thương thị trường của bệnh nhân glôcôm góc mở bằng thị trường kế tự động bước sóng ngắn (SWAP) và so sánh với kết quả của thị trường kế tự động chuẩn (SAP).

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Bệnh nhân glôcôm góc mở nguyên phát có đủ điều kiện làm thị trường. Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện từ tháng 10/2011 đến tháng 3/2012. Bệnh nhân trong đối tượng nghiên cứu được đo thị lực, nhãn áp, khám đáy mắt, đo TT. Kết quả TT được đánh giá qua chỉ số MD, PSD.

Kết quả: nghiên cứu được tiến hành trên 41 mắt của 22 bệnh nhân glôcôm góc mở nguyên phát. Độ lệch trung bình của SWAP cao hơn của SAP có ý nghĩa thống kê. Độ lệch khu trú của SWAP cao hơn của SAP có ý nghĩa thống kê trong nhóm chưa có tổn thương thực thể.

Kết luận: thị trường tự động bước sóng ngắn cho kết quả rõ rệt trong phát hiện tổn thương của bệnh

glôcôm, đồng thời phát hiện tổn thương sớm hơn thị trường chuẩn.

Từ khóa: Thị trường tự động bước sóng ngắn(SWAP), thị trường tự động chuẩn(SAP), độ lệch trung bình (MD), độ lệch khu trú (PSD).

SUMMARY

Objective: to determine the defect of short wave autoperimetry (SWAP) and compare the defect of standard autoperimetry (SAP) with it.

Patients and method: Primary open angle glaucoma with faculty of visual field test.

Result: conduct in 41 eyes of 22 patients. MD of SWAP higher than SAP with statistic signification. PSD of SWAP higher than SAP with statistics signification in early state.

Conclusion: Defect of SWAP is typical glaucoma. Concurrently SWAP find out defect earlier than SAP.

Keywords: short wave autoperimetry (SWAP), standard autoperimetry (SAP).

ĐẶT VẤN ĐỀ

Glôcôm là căn bệnh khá phổ biến đồng thời là nguyên nhân gây mù đứng hàng thứ hai trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Những tổn thương của bệnh không có khả năng hồi phục, do đó việc phát hiện sớm được những tổn thương này là vô cùng quan trọng, giúp có phương pháp điều trị thích hợp, kịp thời, bảo tồn chức năng thị giác cho bệnh nhân. Đo thị trường là một trong những phương pháp phát hiện tổn thương của bệnh glôcôm tương đối chính xác. Tuy nhiên có nhiều hệ thống thị trường khác nhau. Chúng tôi thực hiện đề tài này nhằm mô tả tổn thương thị trường của bệnh nhân glôcôm góc mở bằng thị trường kế tự động bước sóng ngắn (SWAP) và so sánh với kết quả của thị trường kế tự động chuẩn (SAP).

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu.

- Bệnh nhân glôcôm góc mở nguyên phát có đủ điều kiện làm thị trường

- Kết quả đo thị trường phải đảm bảo có các chỉ số tin cậy như mất định thị, lỗi dương tính giả, âm tính giả $\leq 20\%$

2. Phương pháp nghiên cứu.

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang với cỡ mẫu 41 mắt

Tiến hành nghiên cứu: nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10/2011 đến tháng 3/2012. Bệnh nhân trong đối tượng nghiên cứu được đo thị lực, nhãn áp, khám đáy mắt, đo TT.

Với thị trường SAP chọn chương trình 24-2, chiến lược SITA standard.

Với thị trường SWAP chọn chương trình 24-2 chiến lược SWAP SITA.

Đo thị trường SWAP sau 6 giờ sau khi đo thị trường SAP.

Mỗi bệnh nhân chúng tôi tiến hành đo 1 lần.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm bệnh nhân nghiên cứu

1.1. Tuổi, giới

Phân bố bệnh nhân theo giới: có 9/22 (41%) bệnh nhân nam, 13/22 (49%) bệnh nhân nữ.

Phân bố bệnh nhân theo tuổi

Bảng 1. Phân bố tuổi của nhóm nghiên cứu

Nhóm tuổi	Số lượng (BN)	Tỷ lệ (%)
≤ 40	9	41
41 - 60	9	41
> 60	4	18
Tổng	22	100

Tuổi của bệnh nhân trong nhóm nghiên cứu chủ yếu dưới 60 tuổi, trên 60 tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất 18%.

1.2. Tổn thương đĩa thị giác

Bảng 2. Tình trạng lõm đĩa

Tỷ số lõm/ đĩa	Số lượng (mắt)	Tỷ lệ (%)
≤ 0,3	19	46,3
0,4 - 0,7	16	39,0
> 0,7	6	14,7
Tổng	41	100

Tỷ lệ lõm đĩa ≤ 0,3 chiếm tỷ lệ cao nhất 46,3%, lõm đĩa rộng > 0,7 chiếm tỷ lệ thấp nhất 14,7%.

2. Tổn thương thị trường

2.1. Độ lệch trung bình (chỉ số MD) ở các phân mức lõm đĩa

Bảng 3. Độ lệch trung bình ở các phân mức lõm đĩa

Tỷ số lõm/ đĩa	MDs	MD	p
≤ 0,3	-3,63 ± 2,12	-3,95 ± 2,64	> 0,05
0,4 - 0,7	-5,71 ± 2,56	-9,85 ± 2,67	< 0,01
> 0,7	-13,12 ± 4,02	-15,29 ± 3,99	> 0,05
Tổng	-5,83 ± 4,09	-7,91 ± 4,99	< 0,05

Độ lệch trung bình (MD) của hai thị trường SWAP và SAP khác nhau có ý nghĩa thống kê, đặc biệt trong nhóm lõm đĩa từ 0,4 đến 0,7 khác nhau có ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$.

2.2. Độ lệch trung bình ở các mức độ tuổi

Bảng 4. Độ lệch trung bình ở các mức độ tuổi

Nhóm tuổi	MDs	MD	P
≤ 40	-5,24 ± 3,34	-8,08 ± 4,43	< 0,05
41 - 60	-6,53 ± 5,62	-8,38 ± 4,55	> 0,05
> 60	-5,54 ± 4,93	-6,36 ± 5,13	> 0,05
Tổng	-5,83 ± 4,09	-7,91 ± 4,99	< 0,05

Độ lệch trung bình của hai thị trường SWAP và SAP khác nhau có ý nghĩa thống kê trong nhóm bệnh nhân dưới 40 tuổi.

2.3. Độ lệch khu trú ở các phân mức lõm đĩa

Bảng 5. Độ lệch khu trú ở các phân mức lõm đĩa

Tỷ số lõm/ đĩa	PSDs	PSD	p
≤ 0,3	2,21 ± 1,46	3,20 ± 0,95	< 0,05
0,4 - 0,7	3,66 ± 3,15	4,61 ± 1,98	> 0,05
> 0,7	8,69 ± 4,07	6,56 ± 3,37	> 0,05
Tổng	3,72 ± 3,39	4,09 ± 2,16	> 0,05

Độ lệch khu trú của hai thị trường SWAP và SAP khác nhau có ý nghĩa thống kê trong nhóm lõm đĩa dưới 0,3.

BÀN LUẬN

1. Đặc điểm bệnh nhân nghiên cứu.

Nhóm nghiên cứu có 22 bệnh nhân, tỷ lệ bệnh nhân nữ cao hơn tỷ lệ bệnh nhân nam không đáng kể

do chúng tôi chọn bệnh nhân ngẫu nhiên nên bệnh nhân phân bố đều ở hai giới. Tuổi của bệnh nhân trong nhóm nghiên cứu chủ yếu dưới 60, điều này cũng phù hợp với tình hình dịch tễ học của bệnh glôcôm góc mở.

Trong 41 mắt của 22 bệnh nhân, tỷ lệ mắt ở giai đoạn chưa có tổn thương thực thể chiếm tỷ lệ cao nhất (46,3%). Điều này hoàn toàn tương đồng với nhiều nghiên cứu khác về thị trường kế tự động bước sóng ngắn, hầu hết các nghiên cứu này đều chọn đối tượng ở giai đoạn sớm của bệnh, nhằm phát hiện sớm tổn thương TT trên những mắt chưa có tổn hại đáy mắt.

2. Tổn thương thị trường của nhóm bệnh nhân nghiên cứu.

Độ lệch trung bình

Tổn thương TT trên kết quả đo của SWAP nhiều hơn của SAP biểu hiện bởi chỉ số MD lớn hơn có ý nghĩa thống kê. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Chiselita D và Wild JM. Nhóm tổn thương đĩa thị ở mức < 7/10 có khác biệt rõ nhất. Điều này càng khẳng định vai trò của SWAP trong phát hiện tổn thương TT ở giai đoạn sớm của bệnh.

Tổn thương TT ở kết quả đo của SWAP còn rõ rệt hơn của SAP trong nhóm bệnh nhân dưới 40. Điều này hoàn toàn phù hợp bởi kết quả TT ở nhóm tuổi này không bị ảnh hưởng của yếu tố đục thủy tinh thể. Ở nhóm tuổi trên 40 không có sự khác biệt giữa hai chỉ số MD của hai loại thị trường. Điều này có thể do yếu tố đục các môi trường trong suốt đã làm tăng chỉ số MD trên kết quả SAP.

Độ lệch khu trú

Độ lệch khu trú của SWAP cao hơn của SAP có ý nghĩa thống kê ở nhóm chưa có tổn hại đĩa thị ($C/D \leq 0,3$). Kết quả này giống với nghiên cứu của Chiselita D, PSD trung bình của SWAP là $3,63 \pm -1,36$ dB cao hơn của SAP là $2,31 \pm -1,97$ dB. Kết quả này cho thấy SWAP có thể phát hiện sớm tổn thương hơn SAP, đặc biệt trong nhóm chưa có tổn thương thực thể.

KẾT LUẬN

Thị trường tự động bước sóng ngắn cho kết quả rõ rệt trong phát hiện tổn thương của bệnh glôcôm. Tổn thương trên thị trường tự động bước sóng ngắn thể hiện sớm hơn trên thị trường chuẩn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Quang Kính (2010), Nghiên cứu ứng dụng thị trường kế Humphrey Matrix phát hiện tổn thương thị trường trong bệnh glôcôm góc mở nguyên phát □, Luận án tốt nghiệp thạc sĩ y học.
- Chiselita D, Crenquata MI (2006), A comparative analysis of standard automated perimetry and short wave length automated perimetry in early diagnosis of glaucoma □, Ophthalmology 50(2), 94-102.
- Christopher A, Girkin, Alireza Emdadi (2000), Short-Wavelength Automated Perimetry and Standard Perimetry in the Detection of Progressive Optic Disc Cupping □, Arch Ophthalmol 118, 1231-36.
- Folkert K. Horn (2007), Glaucoma Detection With Frequency Doubling Perimetry and Short-wavelength Perimetry □, J Glaucoma 16, 363-371.
- Wild JM, Kim LS, Pacey IE (2006), Evidence for learning effect in short wave length automated perimetry □, Ophthalmology 113(2), 206-15.